

UBND TỈNH LONG AN
TRƯỜNG CĐ LONG AN

Số: 40a/BC-TCĐLA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tân An, ngày 22 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG NĂM 2020

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ Lao động -
Thương binh và Xã hội)*

Tháng 12 năm 2020

PHẦN 1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

1. Tổng quan về trường

1.1. Thông tin chung

- + Tên trường: **TRƯỜNG CAO ĐẲNG LONG AN**
- + Tên Tiếng Anh: **LONG AN COLLEGE**
- + Cơ quan chủ quản: Ủy ban Nhân dân tỉnh Long An
- + Địa chỉ trường:

Trụ sở Chính: Số 60, Quốc lộ 1A, Khu phố Thanh Xuân, Phường 5, thành phố Tân An, tỉnh Long An.

Cơ sở Đức Hòa: Số 180A, Đường 3/2, Thị trấn Hậu Nghĩa, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An.

Cơ sở Cần Giuộc: Số 96 Đường tỉnh 835, Thị trấn Cần Giuộc, Huyện Cần Giuộc, Tỉnh Long An.

Cơ sở Đồng Tháp Mười: Quốc lộ 62, Khu phố 3, Phường 3, Thị xã Kiến Tường, Tỉnh Long An.

- + Số điện thoại: 0272 3 827 694
- + Số fax: 0272 3 835 963
- + Email: tcdnla@longan.gov.vn
- + Website: www.caodangnghelongan.edu.vn
- + Năm thành lập trường:
 - Năm thành lập đầu tiên: 1985
 - Năm nâng cấp thành trường cao đẳng: 2009

+ Loại hình trường: Công lập Tư thục

+ Người liên hệ

- Họ và tên: Lê Quốc Hùng
- Chức vụ: Hiệu trưởng
- Số điện thoại: 0919 088 196
- Email: lqhung_1979@yahoo.com

1.2. Lịch sử phát triển và thành tích nổi bật

Tiền thân của Trường Cao đẳng Long An là Cơ sở dạy may cắt và gia công may mặc (còn gọi là Trung tâm Dạy nghề Thương binh) được thành lập vào năm 1985 theo Quyết định số 1194/UB.QĐ-85 ngày 17/6/1985 của UBND tỉnh Long An; Năm 1993, UBND tỉnh quyết định chuyển Trung tâm dạy nghề Thương binh thành Trung tâm xúc tiến việc làm Long An.

Trên cơ sở phát huy thế mạnh về đào tạo nghề và giải quyết việc làm, ngày 17/11/1999, UBND tỉnh Long An đã ra quyết định thành lập Trường Dạy nghề Long An trên cơ sở nâng cấp Trung tâm xúc tiến việc làm Long An.

Ngày 09/01/2007 UBND Tỉnh Long An ký quyết định số 76/QĐ-UBND về việc nâng cấp Trường Dạy nghề Long An thành Trường Trung cấp nghề Long An.

Ngày 16/10/2009 Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ký Quyết định số 1308/QĐ-LĐTBXH thành lập Trường Cao đẳng nghề Long An trên cơ sở nâng cấp từ Trường Trung cấp nghề Long An.

Ngày 03/03/2020 Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ký Quyết định số 245/QĐ-LĐTBXH sáp nhập Trường Trung cấp nghề Đức Hòa, Trường Trung cấp nghề Cần Giuộc, Trường Trung cấp nghề Đồng Tháp Mười vào Trường Cao đẳng nghề Long An và đổi tên thành Trường Cao đẳng Long An.

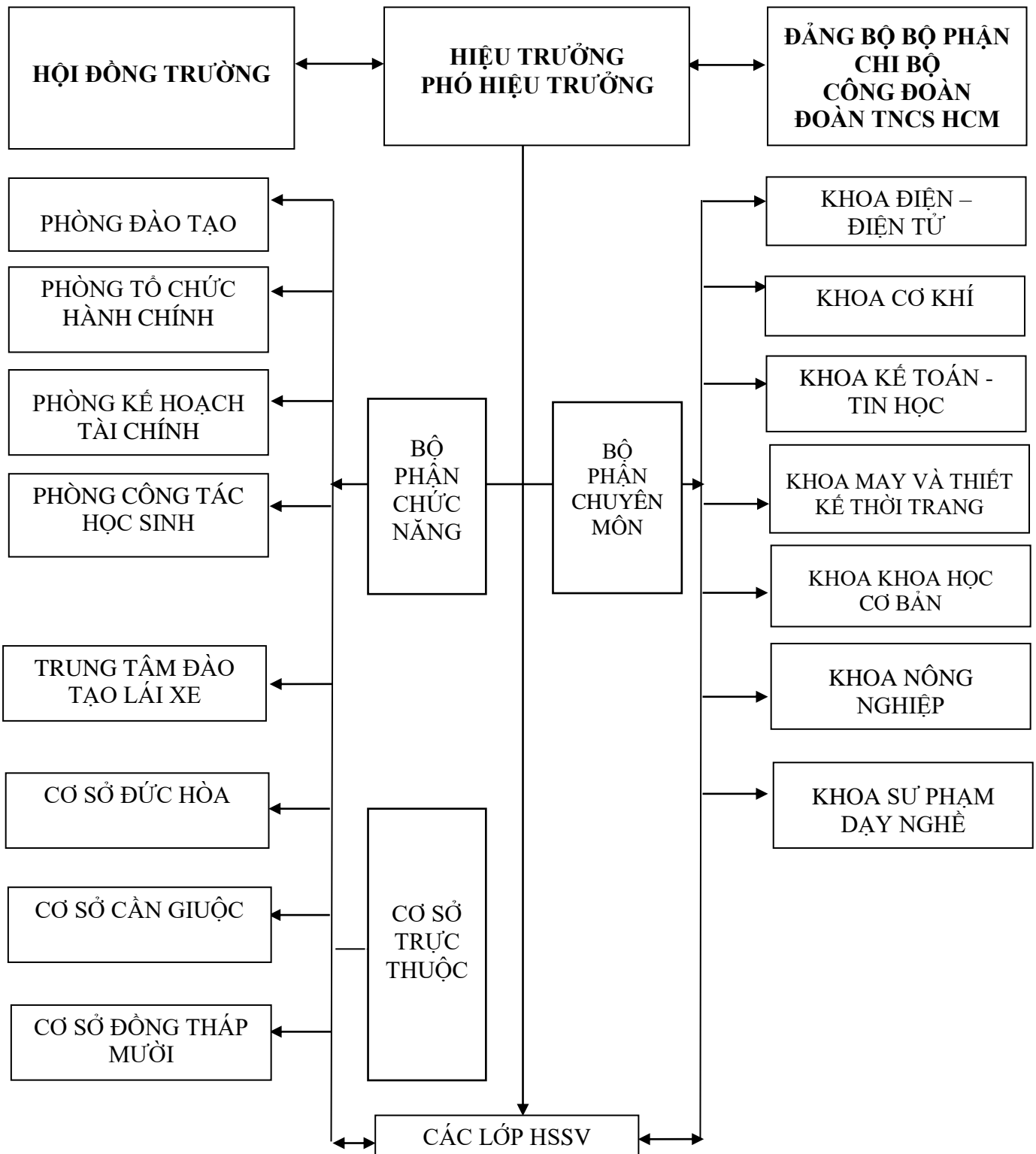
Trải qua hơn 35 năm xây dựng và phát triển, Trường Cao đẳng Long An đã phát triển nhanh về mọi mặt từ cơ sở vật chất, đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý đến quy mô, cơ cấu ngành nghề đào tạo, là nơi đào tạo nguồn nhân lực có tay nghề cao, có đạo đức, ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong công nghiệp, góp phần vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa của tỉnh Long An nói riêng và cả nước nói chung.

Thành tích nổi bật:

- + Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen năm 2002.
- + Huân chương Lao động hạng ba năm 2009 theo Quyết định số 1494/QĐ-CTN ngày 09 tháng 10 năm 2009 của Chủ tịch nước trao tặng.

1.3. Cơ cấu tổ chức và nhân sự

1.3.1. Cơ cấu tổ chức



1.3.2. Cán bộ, nhân viên trong trường

Tổng số cán bộ viên chức-người lao động trong nhà trường là: 295 người

Trong đó:

- + Đội ngũ cán bộ quản lý: 55 người
- + Hợp đồng lao động: 49 người
- + Nhân viên: 40 người
- + Đội ngũ giảng viên là: 151 người

1.3.3. Đội ngũ giảng viên

Tổng số: 151, trong đó:

- + Nam: 98 người Nữ: 53 người
- + Cơ hữu: 151 người Thỉnh giảng: 0

Trình độ đào tạo	Tổng số
Tiến sĩ	00
Thạc sĩ	59
Đại học	92
Cao đẳng	0
Trung cấp	0
Công nhân bậc 5/7 trở lên	0
Trình độ khác	0
Tổng số	151

1.4. Các nghề đào tạo và quy mô đào tạo

Quy mô đào tạo các ngành, nghề tính theo số HSSV quy đổi được hướng dẫn ở tiêu chuẩn 1.1

ST T	Tên ngành, nghề	Trình độ đào tạo	Năm 2020
(1)	(2)	(3)	
1	Lắp đặt thiết bị cơ khí	Cao đẳng	42
		Trung cấp	37.3
2	Hàn	Cao đẳng	44.2
		Trung cấp	19.8
3	Cắt gọt kim loại	Cao đẳng	95.9
		Trung cấp	343.1
4	Chế tạo thiết bị cơ khí	Trung cấp	148
5	Công nghệ chế tạo máy	Cao đẳng	20.1
6	Công nghệ Ô tô	Cao đẳng	159.3
		Trung cấp	604
7	Điện công nghiệp	Cao đẳng	155.9
		Trung cấp	540.9

8	Cơ điện tử	Cao đẳng	54.1
		Trung cấp	19.2
9	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	Cao đẳng	124.1
		Trung cấp	355.7
10	Điện tử công nghiệp	Cao đẳng	49
		Trung cấp	61
11	Vận Hành sửa chữa thiết bị lạnh	Trung cấp	145
12	Máy thời trang	Trung cấp	98.9
13	Sửa chữa thiết bị may	Trung cấp	147.2
14	Quản trị mạng máy tính	Cao đẳng	50.5
		Trung cấp	89
15	Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm)	Cao đẳng	37.5
		Trung cấp	231.9
16	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	Trung cấp	38
17	Kế toán doanh nghiệp	Cao đẳng	133.7
		Trung cấp	251.3
18	Quản lý và bán hàng siêu thị	Trung cấp	13.6
19	Thú y	Cao đẳng	35.6
		Trung cấp	83.3
20	Bảo vệ thực vật	Trung cấp	62
Tổng cộng			4.291.1

1.5. Cơ sở vật chất, tài chính

1.5.1. Cơ sở vật chất

❖ Trụ sở Chính:

- Diện tích đất:

Tổng diện tích đất: 69.180,5 m², trong đó:

+ Diện tích xây dựng: 11.256,11 m²

+ Diện tích cây xanh, lưu không: 57.924,39 m²

TT	Hạng mục, công trình	Đã xây dựng	Đang xây dựng
1	Khu hiệu bộ	415,65	1.500
2	Phòng học lý thuyết	1.842,6	
3	Xưởng/Phòng thực hành	4.199	
4	Khu phục vụ	2.134,6	
4.1	Thư viện	57,6	
4.2	Hội trường	534	
4.3	Ký túc xá	546	
4.4	Căn tin	171	

4.5	Nhà xe GV	180	
4.6	Nhà xe HSSV	630	
4.7	Nhà bảo vệ	16	
4.8	Trạm y tế		100
4.9	Khu thể thao		1.000
5	Phòng tuyển sinh	64,26	

❖ **Cơ sở Đức Hòa:**

- Diện tích đất:

Tổng diện tích đất: 65.969 m², trong đó:

+ Diện tích xây dựng: 10.748,88 m²

+ Diện tích cây xanh, lưu không: 55.220,12 m²

TT	Hạng mục, công trình	Đã xây dựng	Đang xây dựng
1	Khu hiệu bộ	1.142,73	
2	Phòng học lý thuyết	1.969	
3	Xưởng/Phòng thực hành	4.755,14	
4	Khu phục vụ	2.882,01	
4.1	Hội trường – Thư viện	1.385,2	
4.2	Ký túc xá	658,79	
4.3	Căn tin	322,20	
4.4	Nhà xe GV	154,44	
4.5	Nhà xe HSSV	325,08	
4.6	Nhà bảo vệ	44,8	

❖ **Cơ sở Cần Giuộc:**

- Diện tích đất:

Tổng diện tích đất: 26.258 m², trong đó:

+ Diện tích xây dựng: 5.890 m²

+ Diện tích cây xanh, lưu không: 20.368 m²

TT	Hạng mục, công trình	Đã xây dựng	Đang xây dựng
1	Khu hiệu bộ	364	
2	Phòng học lý thuyết	958	
3	Xưởng/Phòng thực hành	2.584	
4	Khu phục vụ	1.584	
4.1	Hội trường		400
4.2	Ký túc xá	500	
4.3	Căn tin	100	
4.4	Nhà xe GV	160	

4.5	Nhà xe HSSV	800	
4.6	Nhà bảo vệ	24	

❖ **Cơ sở Đồng Tháp Mười:**

- Diện tích đất:

Tổng diện tích đất: 50.525 m², trong đó:

+ Diện tích xây dựng: 6.711,74 m²

+ Diện tích cây xanh, lưu không: 43.813,26 m²

TT	Hạng mục, công trình	Đã xây dựng	Đang xây dựng
1	Khu hiệu bộ	258,72	
2	Phòng học lý thuyết	937,34	
3	Xưởng/Phòng thực hành	3.230,28	
4	Khu phục vụ	2.285,4	
4.1	Hội trường	200	
4.2	Ký túc xá	1.000	
4.3	Căn tin	135,4	
4.4	Nhà xe GV	346,4	
4.5	Nhà xe HSSV	579,6	
4.6	Nhà bảo vệ	24	

1.5.2. Tài chính

Nội dung	Năm 2019	Năm 2020
1. Nguồn thu	53.903.694.224	61.618.804.603
<i>Thu hoạt động cung cấp dịch vụ công</i>	<i>35.642.872.065</i>	<i>34.907.586.682</i>
<i>Thu học phí</i>	<i>16.081.125.500</i>	<i>21.908.690.000</i>
<i>ODA</i>		
<i>Nguồn khác</i>	<i>2.179.696.659</i>	<i>4.824.432.603</i>
2. Tổng quyết toán	53.881.789.542	61.618.804.603

PHẦN II. KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG TRƯỜNG

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

1.1. Sự cần thiết của hoạt động tự kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp

Bảo đảm chất lượng bên trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp là một hoạt động có yêu cầu cao về tính khoa học, công bằng, khách quan, đồng thời bảo đảm tính thiết thực, chống hình thức. Một trong những điều kiện tiên đề không thể thiếu để đáp ứng các yêu cầu nói trên là hoạt động đảm bảo chất lượng giáo dục cần dựa trên cơ sở pháp lý chặt chẽ, được tiến hành trên cơ sở pháp luật và theo các quy định của pháp luật.

Tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vai trò như là một động lực

bên trong với sự hỗ trợ, khuyến khích từ bên ngoài giúp cho Nhà trường có điều kiện đánh giá lại mình một cách toàn diện, đầy đủ thông qua việc xem xét và xây dựng báo cáo tự đánh giá, nâng cao, năng lực hoạt động của Nhà trường để tiến tới xây dựng một cơ sở giáo dục nghề nghiệp có chất lượng cao. Hay nói cách khác thông qua hệ thống đảm bảo chất lượng, thương hiệu, uy tín của nhà trường sẽ được xã hội biết đến và thừa nhận.

Vì vậy, bảo đảm chất lượng giáo dục nghề nghiệp là một hoạt động không thể thiếu được trong hoạt động quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp, điều đó càng trở nên quan trọng khi Việt Nam gia nhập kinh tế quốc tế. Trong khi chất lượng nguồn nhân lực là vũ khí cạnh tranh quan trọng nhất thì một trong những khâu yếu nhất của giáo dục nói chung và của giáo dục nghề nghiệp nói riêng ở nước ta là chất lượng đào tạo chưa cao. Nguyên nhân chủ yếu là do các yếu tố đầu vào và các điều kiện bảo đảm trong quá trình đào tạo như: thiếu trang thiết bị thực hành, thực tập, chưa đáp ứng nhu cầu dạy và học; một số nội dung chương trình, tài liệu giảng dạy cho một số nghề đang sử dụng trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đã lạc hậu chưa kịp thời đổi mới.

Chất lượng giáo dục nghề nghiệp đang là mối quan tâm của các nhà quản lý, các doanh nghiệp, phụ huynh, cũng như người học và của toàn xã hội. Kiểm định chất lượng nhằm bảo đảm nhà trường có trách nhiệm đối với sản phẩm đào tạo của mình, bên cạnh đó kiểm định chất lượng sẽ đem lại động lực cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo toàn diện của nhà trường. Vì vậy, tự kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp là một yêu cầu hết sức cần thiết trong giai đoạn hiện nay. Thực hiện tốt và nghiêm túc công tác này sẽ giúp cho Trường đánh giá đúng thực lực của đơn vị mình, thấy rõ được những điểm mạnh và những điểm còn yếu kém, từ đó có giải pháp khắc phục những mặt tồn tại, bất cập và đề ra mục tiêu, phương hướng phát triển đáp ứng yêu cầu trong giai đoạn mới.

1.2. Vai trò của hoạt động tự kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

Hoạt động tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp là một hoạt động có ý nghĩa và vai trò rất quan trọng đối với Trường. Thông qua hoạt động tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp sẽ giúp nhà trường đánh giá lại các hoạt động một cách toàn diện, đầy đủ nhằm từng bước xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng giáo dục nghề nghiệp, nâng cao năng lực hoạt động để tiến tới xây dựng một cơ sở giáo dục nghề nghiệp có chất lượng ngang tầm khu vực và quốc tế, thương hiệu, uy tín của Nhà trường sẽ được xã hội biết đến và thừa nhận, doanh nghiệp và thị trường lao động chấp nhận; tạo thuận lợi trong hoạt động liên kết đào tạo, quan hệ hợp tác quốc tế về đào tạo và thu hút đầu tư tài chính; có điều kiện xây dựng thành trường đào tạo nghề trọng điểm quốc gia, từng bước tiếp cận với trình độ đào tạo nghề trong khu vực và thế giới; đồng thời được ưu tiên đầu tư, nhận tài trợ từ bên ngoài, tham gia đấu thầu chỉ tiêu đào tạo và thụ hưởng các quyền lợi khác trong hoạt động dạy và học tại Trường.

Năm 2020, Trường Cao đẳng Long An tự đánh giá một cách toàn diện các hoạt động theo hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn thống nhất. Từ kết quả tự đánh giá lãnh đạo các cấp trong nhà trường nhận thức đầy đủ và khách quan hơn về mức độ chất lượng các hoạt

động đạt được, cũng như các tồn tại để xây dựng kế hoạch và giải pháp khắc phục sớm nhất nhằm đáp ứng yêu cầu của công tác quản lý, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

2. TỔNG QUAN CHUNG.

2.1. Căn cứ tự đánh giá.

Căn cứ Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

Căn cứ Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

Công văn số 453/TCGDNN-KĐCL ngày 25/3/2019 của Tổng cục giáo dục nghề nghiệp về việc hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với Trường trung cấp, Cao đẳng.

2.2. Mục đích tự đánh giá chất lượng.

Nhận thấy tầm quan trọng của công tác kiểm định chất lượng GDNN mà Bộ LĐTBXH yêu cầu, Trường Cao đẳng Long An đã nghiêm túc thực hiện công việc. Đây là dịp Nhà trường tự đánh giá một cách toàn diện các hoạt động theo một bộ tiêu chuẩn thống nhất. Từ kết quả tự đánh giá, toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên trong Nhà trường sẽ nhận thức đầy đủ hơn và khách quan hơn về mức độ chất lượng các hoạt động đạt được, cũng như phát hiện những điểm mạnh, những điểm cần cải thiện trong thời gian tới, qua đó giúp trường hoạch định chiến lược phát triển các nguồn lực trong từng giai đoạn, tiến tới xây dựng trường trở thành cơ sở dạy nghề chất lượng cao, khẳng định uy tín và thương hiệu nhà trường.

Kết quả tự đánh giá lần này là cơ sở để Trường xây dựng kế hoạch và thực hiện các hoạt động nhằm mục đích cải thiện chất lượng đào tạo, chuẩn hóa và từng bước đưa chương trình đào tạo nghề tiến tới gần trình độ các nước trong khu vực Asean và quốc tế.

2.3. Yêu cầu tự đánh giá chất lượng.

- Thực hiện đúng các quy định của TCGDNN và Bộ LĐTBXH đã ban hành.
- Đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn theo Thông tư 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội
- Nội dung nhất quán giữa các phần của báo cáo. Các thông tin, phân tích đánh giá cần rõ ràng, cụ thể, bám sát chức năng, nhiệm vụ của đơn vị. Các nội dung đánh giá có dẫn minh chứng phù hợp để chứng minh.
- Thực hiện công tác Tự đánh giá một cách công khai, dân chủ, thu thập minh chứng từ nhiều nguồn, bằng nhiều phương pháp, đảm bảo tính trung thực, đảm bảo đúng thời gian, kế hoạch đề ra.

2.4. Phương pháp tự đánh giá.

- Sử dụng bộ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng trường Cao đẳng theo Thông tư 15/2017/TT-BLĐTĐBXH để thu thập minh chứng.

- Phân tích kết quả từ các minh chứng: Thư ký và các nhóm chuyên trách tổng hợp kết quả từ các minh chứng, phân loại các minh chứng theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn, đánh giá các tiêu chuẩn, tiêu chí theo quy định, lập báo cáo cho các tiêu chí.

- Thư ký hội đồng tổng hợp kết quả từ các báo cáo phân tích tiêu chí, tiêu chuẩn do các đơn vị và nhóm chuyên trách cung cấp để lập dự thảo báo cáo tự đánh giá. Ban thư ký họp thông qua dự thảo báo cáo. Báo cáo sau khi được chỉnh sửa và bổ sung thông tin cần thiết, trình hội đồng tự đánh giá xem xét.

- Lấy ý kiến phản biện và ý kiến bổ sung: Hội đồng tự đánh giá trình Hiệu trưởng báo cáo và gửi các đơn vị, tổ chức trong toàn trường lấy ý kiến phản biện. Ban thư ký thu thập ý kiến của các phản biện và ý kiến của Hiệu trưởng để hoàn chỉnh báo cáo tự đánh giá.

2.5. Các bước tiến hành tự đánh giá.

Thực hiện tự kiểm định chất lượng theo mục 2 Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 15/12/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

- Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng;
- Thực hiện tự đánh giá chất lượng;
- Thành lập các nhóm chuyên trách;
- Thông qua và phê duyệt báo cáo tự đánh giá chất lượng;
- Các nhóm chuyên trách phối hợp với các đơn vị thực hiện thu thập minh chứng, phân tích và xử lý minh chứng theo hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn, đánh giá từng tiêu chuẩn kiểm định, viết báo cáo tự đánh giá theo đơn vị và gửi về Hội đồng tự đánh giá trường, các nhóm chuyên trách sẽ tổng hợp theo từng tiêu chí tiêu chuẩn mình phụ trách và Ban thư ký tổng hợp viết báo cáo tự đánh giá trình Hội đồng và lấy ý kiến tham khảo trong toàn trường. Sau giai đoạn này các nhóm chuyên trách tiếp tục bổ sung một số minh chứng được các đơn vị trong Trường cung cấp thêm.

- Thư ký hội đồng hoàn thành báo cáo tự đánh giá trình Hiệu trưởng ký và báo cáo về TCGDNN.

3. TỰ ĐÁNH GIÁ.

3.1. Tổng hợp kết quả tự đánh giá.

Stt	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở GDNN
	ĐỀ XUẤT KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC		Đạt Tiêu chuẩn kiểm định

	Tổng điểm	100	95
1	Tiêu chí 1: Mục tiêu, sứ mạng, tổ chức và quản lý	12	12
1.1	Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu, sứ mạng của trường được xác định cụ thể; phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, thể hiện được vai trò của trường trong việc đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương, ngành được công bố công khai.	1	1
1.2	Tiêu chuẩn 2: Trường thực hiện phân tích, đánh giá nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương hoặc ngành để xác định các ngành, nghề đào tạo và quy mô đào tạo phù hợp.	1	1
1.3	Tiêu chuẩn 3: Trường ban hành văn bản quy định về tổ chức và quản lý theo hướng đảm bảo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị trong trường tho quy định.	1	1
1.4	Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, các văn bản quy định về tổ chức và quản lý của trường được rà soát, thực hiện điều chỉnh nếu cần thiết.	1	1
1.5	Tiêu chuẩn 5: Các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường được phân công, phân cấp rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ, phù hợp với cơ cấu ngành nghề, quy mô đào tạo và mục tiêu của trường.	1	1
1.6	Tiêu chuẩn 6: Hội đồng trường hoặc hội đồng quản trị, các hội đồng tư vấn, các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định và có hiệu quả.	1	1
1.7	Tiêu chuẩn 7: Trường xây dựng và vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng theo quy định.	1	1
1.8	Tiêu chuẩn 8: Trường có bộ phận phụ trách thực hiện công tác quản lý, đảm bảo chất lượng đào tạo và hàng năm hoàn thành nhiệm vụ được giao.	1	1
1.9	Tiêu chuẩn 9: Tổ chức Đảng cộng sản Việt Nam trong trường phát huy được vai trò lãnh đạo, hoạt động đúng điều lệ và theo quy định của hiến pháp và pháp luật.	1	1
1.10	Tiêu chuẩn 10: Các đoàn thể, tổ chức xã hội trong trường hoạt động theo đúng điều lệ của tổ chức mình và theo quy định của pháp luật góp phần đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo của trường.	1	1
1.11	Tiêu chuẩn 11: Trường có quy định và thực hiện công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của trường theo quy định nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo. Hàng năm, rà soát, cải tiến phương pháp, công cụ kiểm tra, giám sát.	1	1
1.12	Tiêu chuẩn 12: Trường có văn bản và thực hiện chế độ, chính sách ưu đãi của nhà nước cho các đối tượng được thụ hưởng; thực hiện chính sách bình đẳng giới theo quy định.	1	1

Stt	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở GDNN
	ĐỀ XUẤT KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC		Đạt Tiêu chuẩn kiểm định
	Tổng điểm		100
2	Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo	17	16
2.1	Tiêu chuẩn 1: Các ngành, nghề đào tạo của trường được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp. Trường ban hành chuẩn đầu ra của từng chương trình đào tạo và công bố công khai để người học và xã hội biết.	1	1
2.2	Tiêu chuẩn 2: Trường xây dựng và ban hành quy chế tuyển sinh theo quy định.	1	1
2.3	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, trường xác định chỉ tiêu tuyển sinh và thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định, đảm bảo nghiêm túc, công bằng, khách quan.	1	1
2.4	Tiêu chuẩn 4: Thực hiện đa dạng hóa các phương thức tổ chức đào tạo đáp ứng yêu cầu học tập của người học.	1	0
2.5	Tiêu chuẩn 5: Trường xây dựng và phê duyệt kế hoạch, tiến độ đào tạo cho từng lớp, từng khóa học của mỗi ngành hoặc nghề, theo từng học kỳ, năm học. Kế hoạch đào tạo chi tiết đến từng mô đun, môn học, giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập phù hợp với từng hình thức, phương thức tổ chức đào tạo và đúng quy định.	1	1
2.6	Tiêu chuẩn 6: Trường thực hiện theo kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo đã được phê duyệt.	1	1
2.7	Tiêu chuẩn 7: Các hoạt động đào tạo được thực hiện theo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo đã được phê duyệt, có sự phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập các ngành, nghề tại đơn vị sử dụng lao động ; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1	1
2.8	Tiêu chuẩn 8: Phương pháp đào tạo được thực hiện kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập của người học, tổ chức làm việc theo nhóm.	1	1
2.9	Tiêu chuẩn 9: Trường thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy và học.	1	1
2.10	Tiêu chuẩn 10: Hàng năm, trường có kế hoạch và tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo đúng kế hoạch.	1	1

Stt	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở GDNN
	ĐỀ XUẤT KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC		Đạt Tiêu chuẩn kiểm định
	Tổng điểm	100	95
2.11	Tiêu chuẩn 11: Hằng năm, trường có báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học, có đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học; kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học theo đề xuất nếu cần thiết.	1	1
2.12	Tiêu chuẩn 12: Trường ban hành đầy đủ các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định.	1	1
2.13	Tiêu chuẩn 13: Trong quá trình đánh giá kết quả học tập của người học có sự tham gia của đơn vị sử dụng lao động và theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1	1
2.14	Tiêu chuẩn 14: Tổ chức thực hiện kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định đảm bảo nghiêm túc, khách quan.	1	1
2.15	Tiêu chuẩn 15: Hằng năm, trường thực hiện rà soát các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ và kịp thời điều chỉnh nếu cần thiết.	1	1
2.16	Tiêu chuẩn 16: Trường có hướng dẫn và tổ chức thực hiện về đào tạo liên thông theo quy định.	1	1
2.17	Tiêu chuẩn 17: Trường có cơ sở dữ liệu về các hoạt động đào tạo và tổ chức quản lý, sử dụng hiệu quả.	1	1
3	Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động	15	14
3.1	Tiêu chuẩn 1: Có quy định về việc tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định.	1	1
3.2	Tiêu chuẩn 2: Tổ chức thực hiện tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định, đảm bảo, công khai, minh bạch, khách quan; thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ cho nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định.	1	1
3.3	Tiêu chuẩn 3: Đội ngũ nhà giáo của trường tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ và các tiêu chuẩn hiện hành khác nếu có.	1	0
3.4	Tiêu chuẩn 4: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định và không vi phạm quy chế, nội quy và quy định của trường.	1	1

Stt	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở GDNN
	ĐỀ XUẤT KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC		Đạt Tiêu chuẩn kiểm định
	Tổng điểm	100	95
3.5	Tiêu chuẩn 5: Trường có đội ngũ nhà giáo đảm bảo tỷ lệ quy đổi; số lượng nhà giáo cơ hữu đảm nhận khối lượng chương trình mỗi ngành, nghề đào tạo theo quy định; trường đảm bảo tỷ lệ nhà giáo có trình độ sau đại học theo quy định.	1	1
3.6	Tiêu chuẩn 6: Nhà giáo giảng dạy theo nội dung, mục tiêu của chương trình đào tạo và thực hiện đầy đủ các yêu cầu của chương trình đào tạo.	1	1
3.7	Tiêu chuẩn 7: Trường có chính sách, biện pháp và thực hiện các chính sách, biện pháp khuyến khích nhà giáo học tập và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy.	1	1
3.8	Tiêu chuẩn 8: Hằng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy cho đội ngũ nhà giáo.	1	1
3.9	Tiêu chuẩn 9: Nhà giáo được bồi dưỡng, thực hiện tại đơn vị sử dụng lao động đề cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất theo quy định và thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1	1
3.10	Tiêu chuẩn 10: Hằng năm, trường thực hiện tổng kết, đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ nhà giáo.	1	1
3.11	Tiêu chuẩn 11: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng của trường đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định và thực hiện đúng quyền hạn, trách nhiệm được giao.	1	1
3.12	Tiêu chuẩn 12: Đội ngũ cán bộ quản lý của các đơn vị thuộc trường được bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định.	1	1
3.13	Tiêu chuẩn 13: Đội ngũ cán bộ quản lý của trường đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ; thực hiện đúng quyền hạn và nhiệm vụ được giao.	1	1
3.14	Tiêu chuẩn 14: Hằng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý.	1	1
3.15	Tiêu chuẩn 15: Đội ngũ viên chức, người lao động của trường đủ số lượng, có năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu công việc được giao, được định kỳ bồi dưỡng nâng cao trình độ.	1	1
4	Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình	15	14

Stt	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở GDNN
	ĐỀ XUẤT KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC		Đạt Tiêu chuẩn kiểm định
	Tổng điểm	100	95
4.1	Tiêu chuẩn 1: Có đầy đủ chương trình đào tạo các chuyên ngành hoặc nghề mà trường đào tạo.	1	1
4.2	Tiêu chuẩn 2: 100% chương đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định.	1	1
4.3	Tiêu chuẩn 3: Chương trình đào tạo của trường thể hiện được mục tiêu đào tạo của trình độ tương ứng; quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học đạt được sau tốt nghiệp; phạm vi và cấu trúc nội dung, phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập đối với từng mô đun, môn học, từng chuyên ngành hoặc nghề và từng trình độ theo quy định.	1	1
4.4	Tiêu chuẩn 4: Chương trình đào tạo được xây dựng có sự tham gia của nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1	1
4.5	Tiêu chuẩn 5: Chương trình đào tạo đảm bảo tính thực tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động.	1	1
4.6	Tiêu chuẩn 6: Chương trình đào tạo được xây dựng bảo đảm việc liên thông giữa các trình độ giáo dục nghề nghiệp với các trình độ đào tạo khác trong hệ thống giáo dục quốc dân theo quy định.	1	1
4.7	Tiêu chuẩn 7: Ít nhất 3 năm 1 lần trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đối với Chương trình đào tạo đã ban hành.	1	1
4.8	Tiêu chuẩn 8: Chính sửa, bổ sung Chương trình đào tạo có cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến liên quan đến ngành, nghề đào tạo hoặc tham khảo các chương trình đào tạo tương ứng của nước ngoài.	1	0
4.9	Tiêu chuẩn 9: Trước khi tổ chức đào tạo liên thông, trường căn cứ chương trình đào tạo, thực hiện rà soát các mô đun, tín chỉ, môn học và có quyết định đối với các mô đun, tín chỉ, môn học mà người học không phải học để đảm bảo quyền lợi của người học.	1	1
4.10	Tiêu chuẩn 10: Có đủ giáo trình cho các mô đun, môn học của từng chương trình đào tạo.	1	1
4.11	Tiêu chuẩn 11: 100% giáo trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định để làm tài liệu giảng dạy, học tập chính thức.	1	1

Stt	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở GDNN
	ĐỀ XUẤT KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC		Đạt Tiêu chuẩn kiểm định
	Tổng điểm	100	95
4.12	Tiêu chuẩn 12: Giáo trình đào tạo cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô đun, môn học trong chương trình đào tạo.	1	1
4.13	Tiêu chuẩn 13: Giáo trình đào tạo tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.	1	1
4.14	Tiêu chuẩn 14: Hằng năm, trường thực hiện việc lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động, người tốt nghiệp về mức độ phù hợp của giáo trình đào tạo; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1	1
4.15	Tiêu chuẩn 15: Khi có thay đổi về chương trình đào tạo, trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đối với giáo trình đào tạo đảm bảo yêu cầu theo quy định.	1	1
5	Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện	15	14
5.1	Tiêu chuẩn 1: Địa điểm xây dựng trường phù hợp với quy hoạch chung của khu vực và mạng lưới các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, khu đất xây dựng cần đảm bảo yên tĩnh cho việc giảng dạy và học tập; giao thông thuận tiện và an toàn; thuận tiện cho việc cung cấp điện, nước, đảm bảo khoảng cách đối với xí nghiệp công nghiệp thải ra chất độc hại; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1	1
5.2	Tiêu chuẩn 2: Quy hoạch tổng thể mặt bằng khuôn viên hợp lý, phù hợp với công năng và các yêu cầu giao thông nội bộ, kiến trúc và môi trường sư phạm; diện tích đất sử dụng, diện tích cây xanh đảm bảo theo quy định.	1	1
5.3	Tiêu chuẩn 3: Có đủ các khu vực phục vụ hoạt động của trường theo tuần: khu học tập và nghiên cứu khoa học (phòng học lý thuyết, phòng học thực hành, phòng thí nghiệm và phòng học chuyên môn); khu thực hành (xưởng thực hành, thực tập, trại trường, vườn thí nghiệm); khu vực rèn luyện thể chất; khu hành chính quản trị, phụ trợ và khu vực phục vụ sinh hoạt cho người học và nhà giáo.	1	1
5.4	Tiêu chuẩn 4: Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của trường (đường giao thông nội bộ; hệ thống điện; cấp thoát nước, xử lý nước thải, chất thải; thông gió; phòng cháy chữa cháy) theo quy chuẩn và đáp ứng nhu cầu đào tạo, sản xuất, dịch vụ, sinh hoạt; được bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.	1	1
5.5	Tiêu chuẩn 5: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa bảo đảm quy chuẩn xây	1	1

Stt	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở GDNN
ĐỀ XUẤT KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC			Đạt Tiêu chuẩn kiểm định
Tổng điểm		100	95
	dụng, tiêu chuẩn cơ sở vật chất hiện hành và các yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo.		
5.6	Tiêu chuẩn 6: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo.	1	1
5.7	Tiêu chuẩn 7: Phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa được sử dụng theo quy định hiện hành.	1	1
5.8	Tiêu chuẩn 8: Thiết bị đào tạo đáp ứng danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu theo yêu cầu đào tạo của từng trình độ đào tạo theo chuyên ngành hoặc nghề do cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở Trung ương quy định. Đối với các chuyên ngành hoặc nghề mà cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở Trung ương chưa ban hành danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu thì trường đảm bảo thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu chương trình đào tạo, tương ứng quy mô đào tạo của chuyên ngành hoặc nghề đó.	1	0
5.9	Tiêu chuẩn 9: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, an toàn, thuận tiện cho việc đi lại, vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành; đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường.	1	1
5.10	Tiêu chuẩn 10: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo, trong đó có việc quy định về định kỳ đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị đào tạo.	1	1
5.11	Tiêu chuẩn 11: Thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định của trường và nhà sản xuất; hằng năm đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng theo quy định.	1	1
5.12	Tiêu chuẩn 12: Trường có định mức tiêu hao vật tư hoặc định mức kinh tế-kỹ thuật trong đào tạo và có quy định về quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo; tổ chức thực hiện theo quy định đảm bảo kịp thời, đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo; vật tư được bố trí, sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện cho việc bảo quản và sử dụng.	1	1
5.13	Tiêu chuẩn 13: Trường có thư viện bao gồm phòng đọc,	1	1

Stt	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở GDNN
ĐỀ XUẤT KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC			Đạt Tiêu chuẩn kiểm định
Tổng điểm		100	95
	phòng lưu trữ bảo đảm theo tiêu chuẩn thiết kế. Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được trường phê duyệt, mỗi loại giáo trình đảm bảo tối thiểu 05 bản in.		
5.14	Tiêu chuẩn 14: Tổ chức hoạt động, hình thức phục vụ của thư viện trường phù hợp với nhu cầu tra cứu của cán bộ quản lý, nhà giáo và người học.	1	1
5.15	Tiêu chuẩn 15: Trường có thư viện điện tử, có phòng máy tính đáp ứng nhu cầu tra cứu, truy cập thông tin của nhà giáo và người học; các giáo trình, tài liệu tham khảo của trường được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.	1	1
6	Tiêu chí 6: Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế	5	4
6.1	Tiêu chuẩn 1: Trường có chính sách và thực hiện các chính sách khuyến khích cán bộ quản lý, nhà giáo và nhân viên tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến và chuyển giao công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo.	1	1
6.2	Tiêu chuẩn 2: Hằng năm, trường có đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến từ cấp trường trở lên phục vụ thiết thực công tác đào tạo của trường (ít nhất 01 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến đối với trường trung cấp, ít nhất 02 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến đối với trường cao đẳng).	1	1
6.3	Tiêu chuẩn 3: Hằng năm, trường có bài báo, ấn phẩm của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động đăng trên các báo, tạp chí khoa học ở trong nước hoặc quốc tế.	1	0
6.4	Tiêu chuẩn 4: Các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến của trường được ứng dụng thực tiễn.	1	1
6.5	Tiêu chuẩn 5: Có liên kết đào tạo hoặc triển khai các hoạt động hợp tác với các trường nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế; các hoạt động hợp tác quốc tế góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của trường.	1	1
7	Tiêu chí 7: Quản lý tài chính	6	6
7.1	Tiêu chuẩn 1: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, thanh quyết toán về tài chính theo quy định và công bố công khai.	1	1

Stt	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở GDNN
	ĐỀ XUẤT KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC		Đạt Tiêu chuẩn kiểm định
	Tổng điểm	100	95
7.2	Tiêu chuẩn 2: Quản lý, sử dụng các nguồn thu từ hoạt động dịch vụ đào tạo; tham gia sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đúng theo quy định.	1	1
7.3	Tiêu chuẩn 3: Trường có các nguồn lực về tài chính đảm bảo đủ kinh phí phục vụ các hoạt động của trường.	1	1
7.4	Tiêu chuẩn 4: Thực hiện việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán đúng quy định.	1	1
7.5	Tiêu chuẩn 5: Thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính kế toán; thực hiện kiểm toán theo quy định; xử lý, khắc phục kịp thời các vấn đề còn vướng mắc trong việc thực hiện các quy định về quản lý và sử dụng tài chính khi có kết luận của các cơ quan có thẩm quyền; thực hiện công khai tài chính theo quy định.	1	1
7.6	Tiêu chuẩn 6: Hằng năm, trường có đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính của trường, có các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng tài chính nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động của trường.	1	1
8	Tiêu chí 8: Dịch vụ người học	9	9
8.1	Tiêu chuẩn 1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về mục tiêu, chương trình đào tạo; quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của trường; các chế độ, chính sách hiện hành đối với người học; các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học theo quy định.	1	1
8.2	Tiêu chuẩn 2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định.	1	1
8.3	Tiêu chuẩn 3: Có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện. Người học được hỗ trợ kịp thời trong quá trình học tập tại trường để hoàn thành nhiệm vụ học tập.	1	1
8.4	Tiêu chuẩn 4: Người học được tôn trọng và đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân.	1	1
8.5	Tiêu chuẩn 5: Ký túc xá đảm bảo đủ diện tích nhà ở và các điều kiện tối thiểu (chỗ ở, điện, nước, vệ sinh, các tiện nghi khác) cho sinh hoạt và học tập của người học.	1	1
8.6	Tiêu chuẩn 6: Có dịch vụ y tế chăm sóc và bảo vệ sức khỏe; dịch vụ ăn uống của trường đáp ứng nhu cầu của người học	1	1

Stt	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở GDNN
ĐỀ XUẤT KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC			Đạt Tiêu chuẩn kiểm định
Tổng điểm		100	95
và đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.			
8.7	Tiêu chuẩn 7: Người học được tạo điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao, tham gia các hoạt động xã hội; được đảm bảo an toàn trong khuôn viên trường.	1	1
8.8	Tiêu chuẩn 8: Trường thực hiện việc tư vấn việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.	1	1
8.9	Tiêu chuẩn 9: Hằng năm, trường tổ chức hoặc phối hợp tổ chức hội chợ việc làm để người học tiếp xúc với các nhà tuyển dụng.	1	1
9	Giám sát, đánh giá chất lượng	6	6
9.1	Tiêu chuẩn 1: Hằng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.	1	1
9.2	Tiêu chuẩn 2: Hằng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 50% cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động.	1	1
9.3	Tiêu chuẩn 3: Hằng năm thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 30% người học đại diện các ngành, nghề đào tạo về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường.	1	1
9.4	Tiêu chuẩn 4: Trường thực hiện hoạt động tự đánh giá chất lượng và kiểm định chất lượng theo quy định.	1	1
9.5	Tiêu chuẩn 5: Hằng năm, trường có kế hoạch cụ thể và các biện pháp thực hiện việc cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá và kết quả đánh giá ngoài nếu có.	1	1
9.6	Tiêu chuẩn 6: Trường có tỷ lệ 80% người học có việc làm phù hợp với chuyên ngành hoặc nghề đào tạo sau 6 tháng kể từ khi tốt nghiệp.	1	1

PHẦN III. ĐỀ XUẤT, KHUYẾN NGHỊ:

Kiến nghị Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp thường xuyên mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng về việc xây dựng, vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng tại các trường và các lớp tự kiểm định chất lượng chương trình, chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

HIỆU TRƯỞNG

Nơi nhận:

- TCGDNN;
- Sở LĐTĐBXH;
- BGH;
- Các đơn vị trực thuộc trường;
- Lưu: VT, TTKT&BDCL.



Lê Quốc Hùng

Phụ lục 1

PHỤ LỤC

Phụ lục 1. Quyết định thành lập Hội đồng kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp của trường

UBND TỈNH LONG AN
TRƯỜNG CĐ LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUYẾT ĐỊNH
“V/v Thành lập bổ sung hội đồng tự đánh giá chất lượng
 cơ sở giáo dục nghề nghiệp ”

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG LONG AN

Căn cứ Quyết định số 245/QĐ-LĐTĐ ngày 03/3/2020 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc sáp nhập Trường Trung cấp nghề Đức Hòa, Trường Trung cấp nghề Cần Giuộc, Trường Trung cấp nghề Đồng Tháp Mười vào Trường Cao đẳng nghề Long An và đổi tên thành Trường Cao đẳng Long An;

Căn cứ Thông tư số 15/2017/TT-LĐTĐ ngày 08 tháng 06 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã Hội về việc ban hành Quy định hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ thông tư số 28/2017/TT-LĐTĐ ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội về ban hành quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Quyết định 512/CĐLA ngày 21/12/2020 của Trường Cao đẳng Long An về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động Trường Cao đẳng Long An;

Căn cứ Kế hoạch số 9a/KH-TCĐLA ngày 06/04/2020 của Trường Cao đẳng Long An về việc ban hành Kế hoạch thực hiện tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp năm 2020.

Xét đề nghị của Phó Trưởng phòng, Phụ trách Phòng Thanh tra, Khảo thí và Bảo đảm chất lượng,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Thành lập Hội đồng tự đánh giá bảo đảm chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp Trường Cao đẳng Long An gồm các ông/bà có tên sau:

(Danh sách kèm theo)

Điều 2: Hội đồng tự đánh giá bảo đảm chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp có nhiệm vụ:

- Xây dựng kế hoạch thực hiện tự đánh giá bảo đảm chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp, trình Hiệu trưởng phê duyệt;
- Hướng dẫn các đơn vị trực thuộc trường thực hiện tự đánh giá bảo đảm chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp và viết báo cáo tự đánh giá bảo đảm chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp của đơn vị mình;
- Quản lý, duy trì cơ sở dữ liệu, thông tin, minh chứng về hoạt động tự đánh giá bảo đảm chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp của Trường;
- Hoàn chỉnh báo cáo kết quả tự đánh giá bảo đảm chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

Điều 3: Trưởng các Phòng, Khoa, Bộ Môn, Giám đốc các cơ sở và các ông bà có tên nơi điều 1 căn cứ Quyết định thi hành.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

Nơi nhận:

- TC.GDNN(báo cáo);
- Sở LĐTĐBXH;
- Như điều 3;
- Lưu: VT,ĐT.

PHỤ LỤC

Phụ lục 1. Quyết định thành lập Hội đồng kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp của trường

UBND TỈNH LONG AN
TRƯỜNG CĐ LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CỦA NHÓM PHỤ TRÁCH TỪNG TIÊU CHÍ

(kèm theo QĐ số 164a/QĐ-CĐLA ngày 10/06/2020 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Long An)

TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	NHIỆM VỤ TRONG HỘI ĐỒNG
01	Lê Quốc Hùng	Hiệu Trưởng	Chủ tịch Hội đồng
02	Phạm Văn Thịnh	Phó Hiệu Trưởng	PCT Hội đồng
03	Lê Minh Tâm	Phó Hiệu Trưởng	PCT Hội đồng
04	Nguyễn Văn Hòa	TP. Đào tạo	Thư ký
05	Đỗ Thanh Phong	PTP. Đào Tạo	Thành viên
06	Đoàn Phạm Sơn Trung	TP. Công tác SV-HS	Thành viên
07	Lê Thị Dung	TP. Công tác HSSV	Thành viên
08	Thôi Thanh Đông	TP. Kế hoạch – Tài chính	Thành viên
09	Đặng Minh Thọ	P.TP. Kế hoạch-Tài chính	Thành viên
10	Lê Văn Minh Quang	PTK. Điện-Điện tử	Thành viên
11	Nguyễn Ngọc Triều	TK. Cơ khí	Thành viên
12	Nguyễn Thị Thái Châu	TK. Kế Toán - Tin học	Thành viên
13	Trần Nguyễn Trường Trí	Bí thư Đoàn Thanh niên	Thành viên
14	Nguyễn Thị Hồng Trang	TK. May và TKTT	Thành viên
15	Trần Quang Phúc	PTK. Khoa học Cơ bản	Thành viên
16	Lê Văn Hậu	Tổ Trưởng BM Thú Y	Thành viên
17	Trần Minh Tân	PTP. Đào Tạo	Thành viên

18	Đại diện Công ty Cổ phần Cơ khí chế tạo máy Long An (LAMICO)	Thành viên
19	Đại diện Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng Long An (LICO)	Thành viên

Phụ lục 2. Kế hoạch tự đánh giá của trường

UBND TỈNH LONG AN
TRƯỜNG CAO ĐẲNG LONG AN

Số: 9a/KH-TCĐLA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Long An, ngày 06 tháng 04 năm 2020

KẾ HOẠCH **Thực hiện tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp năm 2020**

Căn cứ quy định về quy trình thực hiện tự đánh giá chất lượng GDNN ban hành theo Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Quyết định 496/QĐ-BLĐTBXH ngày 05/05/2020 về ban hành kế hoạch kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2020-2025;

Để chuẩn bị công tác tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp năm 2020 và đăng ký kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp năm 2020, Trường Cao đẳng Long An xây dựng Kế hoạch thực hiện tự đánh giá như sau:

1. Mục tiêu tự đánh giá

Nâng cao nhận thức của CBNVGV trong toàn trường về tầm quan trọng của công tác tự đánh giá các điều kiện bảo đảm chất lượng GDNN của nhà trường theo bộ tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng Trường Cao đẳng do Bộ LĐTB&XH ban hành, qua đó huy động tất cả các đơn vị trong toàn trường cùng thực hiện công tác bảo đảm chất lượng.

Thu thập, xử lý thông tin và minh chứng để chứng minh mức độ đạt được của nhà trường dựa trên hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng GDNN của Trường Cao đẳng.

Duy trì các tiêu chí, tiêu chuẩn đạt và khắc phục những tiêu chí, tiêu chuẩn chưa đạt của đợt tự đánh giá chất lượng năm 2020, đồng thời hoạch định chiến lược phát triển các nguồn lực trong từng giai đoạn, cải tiến hệ thống bảo đảm chất lượng của nhà trường, tiến tới xây dựng trường vững mạnh toàn diện, khẳng định uy tín và thương hiệu nhà trường.

2. Công cụ tự đánh giá

Sử dụng bộ tiêu chí, tiêu chuẩn ban hành kèm theo Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

Thu thập minh chứng từng tiêu chuẩn, tiêu chí theo công văn 453/TCGDNN-KĐCL hướng dẫn tự đánh tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở GDNN theo thông tư 15/2017 của BLĐTBXH.

Quy trình thực hiện tự đánh giá chất lượng GDNN ban hành theo Thông tư số 28/2017/BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội quy định hệ thống bảo đảm chất lượng trong các cơ sở GDNN. Cụ thể như sau:

- Thành lập Hội đồng tự đánh giá.
- Thực hiện tự đánh giá hệ thống Bảo đảm chất lượng của nhà Trường.
- Thực hiện tự đánh giá chất lượng GDNN nhằm đăng ký kiểm định chất lượng GDNN.

- Thông qua phê duyệt báo cáo và công bố kết quả tự đánh giá.

3. Nhiệm vụ của Hội đồng tự đánh giá chất lượng GDNN Nhà trường:

Hướng dẫn và giám sát các đơn vị thuộc trường tiến hành thực hiện công tác thu thập, lưu trữ minh chứng từ các công cụ của Hệ thống đảm bảo chất lượng, công tác tự đánh giá theo chức năng, nhiệm vụ.

Rà soát các quy trình công cụ hệ thống bảo đảm chất lượng, thu thập các minh chứng liên quan phục vụ kiểm định chất lượng GDNN.

Tổng hợp, phân loại thông tin, minh chứng theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá chất lượng GDNN.

Thống kê các văn bản pháp luật liên quan để làm cơ sở cho việc xây dựng các chuẩn mực đối chiếu với các tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá trường cao đẳng để đánh giá, xác định đạt được của từng tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá chất lượng GDNN; chỉ rõ các điểm mạnh, tồn tại và nguyên nhân; đề xuất kế hoạch hành động nhằm nâng cao chất lượng GDNN.

Đề xuất cùng Ban chỉ đạo hệ thống bảo đảm chất lượng về đánh giá cải tiến, xây dựng bổ sung các quy trình, công cụ của Hệ thống bảo đảm chất lượng nhằm duy trì, bảo đảm chất lượng theo tiêu chuẩn chất lượng đề ra.

Viết báo cáo kết quả tự đánh giá của hệ thống Bảo đảm chất lượng và tự đánh giá chất lượng GDNN của Nhà trường, gửi các đơn vị thuộc trường để lấy ý kiến.

Hoàn thiện và công bố báo cáo kết quả tự đánh giá hệ thống Bảo đảm chất lượng và tự đánh giá chất lượng GDNN trong nội bộ trường và gửi báo cáo về Tổng cục giáo dục nghề nghiệp đúng thời hạn quy định.

4. Nội dung và thời gian thực hiện cụ thể:

Stt	Thời gian	Các hoạt động	Phụ trách thực hiện
1	Từ 08/04/2020 đến 12/04/2020	Xây dựng kế hoạch tự đánh giá năm 2020	P. Đào Tạo
2	Từ 13/04/2020 đến 15/04/2020	- Thành lập bổ sung hội đồng tự đánh giá chất lượng GDNN của trường	P. Đào Tạo
3	Từ 16/04/2020 đến 16/05/2020	- Họp hội đồng tự đánh giá. Hướng dẫn thực hiện công tác tự đánh giá năm 2020. - Phổ biến kế hoạch triển khai tự đánh giá cho tất cả CBNVGV và HSSV toàn trường. - Hướng dẫn các đơn vị thuộc trường thực hiện công tác thu thập, lưu trữ minh chứng từ các công cụ của Hệ thống đảm bảo chất lượng, công tác tự đánh giá theo chức năng, nhiệm vụ.	Hội đồng
4	Từ 17/05/2020 đến 28/07/2020	- Phần 1: Viết giới thiệu tổng quát về Trường; - Phần 2: (nội dung theo hướng dẫn phụ lục CV 453/TCGDNN-KĐCL 25/03/2020) + Tiến hành thu thập minh chứng theo tiêu chí, tiêu chuẩn đã được phân công phụ trách. Mã hoá các minh chứng theo quy định. + Viết mô tả các tiêu chí theo phân công và viết báo cáo tiêu chí theo mẫu phụ lục 2.	- Ban thư ký - Các thành viên hội đồng theo tiêu chí, tiêu chuẩn đã được phân công

5	Từ 01/08/2020 đến 18/08/2020	- Hội đồng tự đánh giá nghiệm thu thông qua các nội dung - Báo cáo phần I, Phần II - Thẩm định hồ sơ minh chứng thu thập được	- Các thành viên hội đồng theo tiêu chí, tiêu chuẩn đã được phân công - Chủ tịch hội đồng chủ trì
6	Từ 21/08/2020 đến 11/09/2020	- Thu thập thông tin minh chứng bổ sung - Viết phần kết luận, kiến nghị trong báo cáo tự đánh giá - Hoàn thiện lần 1 báo cáo tự đánh giá - Hội đồng đánh giá thông qua báo cáo lần 1.	- Các thành viên HĐ - Ban thư ký - Chủ tịch hội đồng chủ trì
7	Từ 12/09/2020 đến 30/10/2020	- Hoàn thiện lần 2 báo cáo tự đánh giá - Gửi báo cáo cho các Phòng, Khoa, các Cơ sở và các thành viên hội đồng để lấy ý kiến góp ý, phản biện về báo cáo tự đánh giá.	- Ban thư ký, các thành viên hội đồng
8	Từ 01/11/2020 đến 30/11/2020	- Hội đồng đánh giá thông qua báo cáo lần 2. - Hoàn thiện, trình Hiệu trưởng ký duyệt báo cáo tự đánh giá. - Công bố công khai báo cáo tự đánh giá trong nội bộ trường. - Lưu trữ, nộp báo cáo tự đánh giá cho Sở LĐTĐ	- Chủ tịch hội đồng chủ trì - Ban thư ký - Ban thư ký

- Yêu cầu chung: báo cáo tự đánh giá bắt buộc phải soạn thảo bằng font chữ Times New Roman, Unicode, cỡ chữ 13 theo yêu cầu của TCGDNN và thể thức văn bản được trình bày theo hướng dẫn của Nghị định 30/2020/NĐ-CP ngày 05/03/2020.

Công tác thực hiện tự đánh giá chất lượng GDNN là nhiệm vụ thường xuyên của nhà trường hàng năm, là tiêu chí quan trọng để đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của từng đơn vị, cá nhân. Yêu cầu tất cả các Phòng, Khoa, Bộ môn và Các cơ sở trực thuộc trường tổ chức thực hiện nghiêm túc đảm bảo kế hoạch, chất lượng theo yêu cầu đề ra./.

HIỆU TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Cục KĐCL-TCGDNN;
- Sở LĐTĐ Long An;
- BGH;
- Các Phòng, Khoa, BM, TT, các Cơ sở;
- Lưu: VT, ĐT.

PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ THỰC HIỆN TỰ ĐÁNH GIÁ
(Kèm theo Kế hoạch số: 9a /KH-CDLA ngày 06 tháng 04 năm 2020)

TT	Tiêu chí	Số lượng tiêu chuẩn	Phân công Đơn vị phụ trách	Phụ trách tổng hợp, viết báo cáo cho tiêu chí
1	Tiêu chí 1: Mục tiêu, sứ mạng, tổ chức và quản lý	12	Phòng TCHC	Đ/c Nguyễn Hữu Trí
2	Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo	17	Phòng Đào tạo	Đ/c Nguyễn Văn Hòa
3	Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động	15	Phòng TCHC	Đ/c Nguyễn Hữu Trí
4	Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình	15	Phòng Đào tạo	Đ/c Nguyễn Văn Hòa
5	Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện	15	Phòng KHTC Phòng TCHC	Đ/c Đặng Minh Thọ Đ/c Nguyễn Hữu Trí
6	Tiêu chí 6: NCKH, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế	5	Phòng Đào tạo	Đ/c Nguyễn Văn Hòa
7	Tiêu chí 7: Quản lý tài chính	6	Phòng KHTC	Đ/c Đặng Minh Thọ
8	Tiêu chí 8: Dịch vụ người học	9	Phòng CT-HSSV	Đ/c Lê Thị Dung
9	Tiêu chí 9: Giám sát đánh giá chất lượng	6	Phòng Đào tạo	Đ/c Đỗ Thanh Phong